

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI VIẾT
“TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC
CHXHCN VIỆT NAM”
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Số: 26 /BTC

V/v phát hành tài liệu “Tìm hiểu Hiến
pháp nước Cộng hòa XHCN Việt nam”

Kính gửi:

SỞ GTVT QUẢNG BÌNH	
ĐẾN	Số: 1205
	Ngày: 03/03/2015
	Chuyển:
	Lưu hồ sơ số:

- Các Ban Tỉnh ủy; Văn phòng Tỉnh ủy; Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh; Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Các doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 1380/KH-UBND ngày 30/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức Cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”; Thẻ lệ số 4570/TL-BTC ngày 04/11/2014 của Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của Trung ương; để tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân dự thi có thêm thông tin tư liệu tham khảo, Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” tỉnh Quảng Bình biên soạn và phát hành tài liệu “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (gửi kèm theo Công văn).

Đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương sao gửi cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để tìm hiểu, tham khảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên BTC, Tổ giúp việc BTC cuộc thi;
- Lưu VT, NC, STP.

TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Tiến Hoàng



UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI VIẾT
“TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC
CHXHCN VIỆT NAM”
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày tháng năm 2015

TÀI LIỆU

“Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”

(Kèm theo Công văn số **26** ngày **27** tháng 02 năm 2015 của
Ban Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa
XHCN Việt Nam” của tỉnh Quảng Bình)

Câu 1. Từ năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, nước ta có mấy bản Hiến pháp? Các bản Hiến pháp đó được Quốc hội thông qua vào ngày, tháng, năm nào?

Gợi ý trả lời:

1. Từ năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, nước ta có 05 bản Hiến pháp, cụ thể: Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) và Hiến pháp năm 2013.

2. Ngày, tháng, năm Quốc hội nước ta thông qua các bản Hiến pháp như sau:

- *Hiến pháp năm 1946* là bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được Quốc hội Khóa I (kỳ họp thứ 2) thông qua ngày 09/11/1946.

- *Hiến pháp năm 1959* được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Khóa I (kỳ họp thứ 11) thông qua ngày 31/12/1959.

- *Hiến pháp năm 1980* được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VI (kỳ họp thứ 7) thông qua ngày 18/12/1980.

- *Hiến pháp năm 1992* được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII (kỳ họp thứ 11) thông qua ngày 15/4/1992. Hiến pháp năm 1992 được gọi là Hiến pháp của Việt Nam trong thời kỳ đầu của tiến trình đổi mới.

Ngày 25/12/2001, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa X đã thông qua Nghị quyết số 51/2001/QH10 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

- *Hiến pháp năm 2013* được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII (kỳ họp thứ 6) thông qua ngày 28/11/2013. Đây là bản Hiến pháp của thời kỳ tiếp tục đổi mới đất nước trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Câu 2. Bản Hiến pháp mới được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 (Hiến pháp năm 2013) có hiệu

ah ✓

lực từ ngày, tháng, năm nào? So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) có bao nhiêu điều được giữ nguyên? Có bao nhiêu điều được sửa đổi, bổ sung? Điều sửa đổi, bổ sung nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao?

Gợi ý trả lời:

1. Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 28/11/2013 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014.

Hiến pháp năm 2013 vừa kế thừa được giá trị to lớn của các bản Hiến pháp năm 1946, năm 1959, năm 1980 và năm 1992, vừa thể chế hoá các quan điểm, phương hướng, nội dung phát triển đã được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011).

2. So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) Hiến pháp năm 2013 có 7 điều được giữ nguyên, cụ thể:

Điều 1 (giữ nguyên Điều 1 Hiến pháp 1992); Điều 23 (giữ nguyên Điều 68 Hiến pháp 1992); Điều 49 (giữ nguyên Điều 82 Hiến pháp 1992); Điều 86 (giữ nguyên Điều 101 Hiến pháp 1992); Điều 87 (giữ nguyên Điều 102 Hiến pháp 1992); Điều 91 (giữ nguyên Điều 106 Hiến pháp 1992); Điều 97 (giữ nguyên Điều 113 Hiến pháp 1992).

3. So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001), Hiến pháp năm 2013 sửa đổi 101 Điều và bổ sung mới 12 Điều.

3.1. So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001), Hiến pháp năm 2013 có 101 Điều sửa đổi, cụ thể như sau: Điều 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 20; 21; 22; 24; 25; 26; 27; 28; 29; 30; 31; 32; 33; 35; 36; 37; 38; 39; 40; 44, 45, 46, 47, 48, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 88, 89, 90, 92, 93, 94, 95, 96, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 113, 114, 115, 116, 119, 120

3.2. So với Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), Hiến pháp năm 2013 bổ sung 12 Điều mới, cụ thể như sau: Điều 19; 34; 41; 42; 43; 55; 63; 78; 111; 112; 117; 118.

4. Điều sửa đổi, bổ sung nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao?

Câu trả lời sẽ tùy thuộc vào cách tiếp cận cũng như nhận thức riêng của mỗi người đối với từng nội dung, từng điều cụ thể của Hiến pháp (Người làm bài dự thi tự đánh giá, phân tích và đưa ra lý giải tại sao mình tâm đắc nhất).

Câu 3. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...”. Bạn hãy nêu và phân tích ngắn gọn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước.

Gợi ý trả lời:

1. Nêu rõ tại sao quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

"Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân" đã được ghi nhận tại Điều 2 Hiến pháp 2013 là sự tiếp tục quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về việc đề cao chủ quyền nhân dân, khẳng định ở "Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ", thể hiện:

- "Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân" là một quy định nền tảng chỉ rõ nguồn gốc, bản chất, mục đích và sức mạnh của quyền lực nhà nước ở nước ta là ở nhân dân. Bởi Hiến pháp 2013 quan niệm nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Thông qua Hiến pháp, nhân dân giao quyền, nhân dân ủy quyền quyền lực của mình cho Nhà nước. Vì thế, rất nhiều điều trong Hiến pháp thể hiện sâu sắc và nhất quán tư tưởng đề cao chủ quyền nhân dân.

- Xuất phát từ bản chất của nhà nước ta "là nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân". Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung một nguyên tắc mới về tổ chức quyền lực nhà nước đó là quyền lực nhà nước là thống nhất, không chỉ được phân công, phối hợp mà còn có sự kiểm soát trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Bởi nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, nên nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước là một tất yếu, một đòi hỏi chính đáng. Để kiểm soát được quyền lực nhà nước đòi hỏi phải hình thành cơ chế bao gồm kiểm soát quyền lực nhà nước ở bên trong bộ máy nhà nước, giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp và trong nội bộ mỗi quyền và kiểm soát quyền lực nhà nước ở bên ngoài bao gồm kiểm soát của nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Với triết lý nhân dân là chủ thể của quyền lập hiến: quyền con người, quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp năm 2013 quy định sau chương I: Chế độ chính trị; đồng thời đã có những nhận thức mới về đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Lần đầu tiên trong Hiến pháp nước ta khẳng định các nguyên tắc: "Ở nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật". "Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật, trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng" (Điều 14). Đây là những nguyên tắc căn bản đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong mối quan hệ với quyền con người, quyền công dân, hạn chế sự tùy tiện cắt xén từ phía Nhà nước. Đồng thời là cơ sở hiến định để mọi người và công dân bảo vệ và thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Với nhận thức nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân, Hiến pháp 2013 đã thừa nhận nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, chủ thể phân công quyền lực nhà nước. Phương tiện để nhân dân giao quyền, ủy quyền quyền lực nhà nước của mình, đó là thực hành quyền lập hiến. Bằng quyền lập hiến của mình, nhân dân ủy thác quyền lập pháp cho Quốc hội, quyền hành pháp cho Chính phủ và quyền tư pháp cho Tòa án. Theo đó, có thể thấy rằng, quyền lập hiến là quyền lực tối

cao so với quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đều khởi xướng từ quyền lập hiến. Quyền lập hiến là quyền thể hiện một cách trọn vẹn nhất quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, bởi Hiến pháp là bản văn thể hiện quyền lực nhà nước cao nhất. Đồng thời, Quốc hội được Hiến pháp (tức là nhân dân) giao cho một số quyền của quyền lập hiến.

- Để phản ánh một giai đoạn mới của việc đề cao chủ quyền nhân dân, Hiến pháp sửa đổi đã thể hiện một cách sâu sắc sự hòa hợp dân tộc, sự hài hòa về lợi ích và sự đồng thuận xã hội nhằm tạo nên sức mạnh để phát triển, nhất là trong bối cảnh xung đột sắc tộc, tôn giáo, chính trị, kinh tế đang có xu hướng gia tăng ở nhiều nước và khu vực trên thế giới.

2. Cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước

Hiến pháp năm 2013 khẳng định "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân..." các quy định của Hiến pháp năm 2013 về những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước như sau:

- Khoản 2 Điều 4 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình", đây là điểm bổ sung mới quan trọng, vì vai trò làm chủ của Nhân dân đối với nước, Nhân dân giao phó trách nhiệm cho Đảng để lãnh đạo Nhà nước và xã hội, vì vậy, Đảng phải chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước nhân dân trong việc lãnh đạo của mình.

- Tại Điều 6 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước".

Như vậy, Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung đầy đủ hơn các hình thức thực hiện quyền lực Nhà nước của Nhân dân, không chỉ bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân như trước đây mà còn thông qua các cơ quan khác của Nhà nước và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp.

Dân chủ đại diện là phương thức thực hiện quyền lực Nhà nước cơ bản và phổ biến nhất của Nhân dân. Theo đó, Nhân dân thông qua các cơ quan đại biểu do mình bầu ra và ủy thác quyền lực như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; rồi đến lượt mình Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục lập ra các cơ quan khác của Nhà nước để thực hiện ý chí, nguyện vọng của Nhân dân. Như vậy, hiểu một cách đầy đủ, cơ quan Nhà nước được Nhân dân ủy quyền không chỉ là các cơ quan dân cử như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp mà còn bao gồm cả các cơ quan trong hệ thống hành pháp và tư pháp; các cơ quan này thay mặt nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước để điều hành, quản lý xã hội và chịu sự giám sát của Nhân dân.

Dân chủ trực tiếp là phương thức người dân trực tiếp thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình mà không phải thông qua cá nhân hay tổ chức đại diện.

Các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp của người dân, có thể như: Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, đối thoại trực tiếp giữa Nhân dân với đại diện cơ quan Nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân...

Các quy định khác của Hiến pháp cũng thể hiện cách thức để nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước (dưới đây là một số gợi ý, người tham gia cuộc thi cần nghiên cứu, tìm hiểu, liên hệ, viện dẫn các quy định khác của Hiến pháp năm 2013 để phân tích thêm):

- Điều 7 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

2. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Quốc hội, Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân".

- Điều 28 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân".

- Điều 29 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân".

- Điều 53 Hiến pháp năm 2013 thể hiện: "Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý".

- Điều 65 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Lực lượng vũ trang nhân dân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước, có nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; cùng toàn dân xây dựng đất nước và thực hiện nghĩa vụ quốc tế".

- Điều 69 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

- Khoản 1, Khoản 2 Điều 79 Hiến pháp năm 2013 quy định:

"1. Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước.

hư

2. Đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo”.

...

Câu 4. Những quy định nào của Hiến pháp năm 2013 thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc?

Gợi ý trả lời:

1. Tại sao tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được quy định trong Hiến pháp

- Đại đoàn kết dân tộc thể hiện trong Tư tưởng Hồ Chí Minh, trong chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đại đoàn kết dân tộc nhằm phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nói một cách khác, đó là tư tưởng xây dựng, củng cố, mở rộng lực lượng cách mạng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

(Tham khảo tại: Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, trang 155-156; Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh).

- Ý nghĩa, vai trò của đại đoàn kết dân tộc: Đại đoàn kết dân tộc đã tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân làm nên những thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp dựng nước, giữ gìn hòa bình, độc lập dân tộc của đất nước. Trong thời kỳ đổi mới, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế thì vấn đề đại đoàn kết toàn dân càng có ý nghĩa sâu sắc.

2. Những quy định của Hiến pháp năm 2013 thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc

- Điều 5, Hiến pháp năm 2013 quy định:

“1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước”.

- Điều 42, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp”.

- Khoản 3 Điều 61, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...”.

- Nêu và phân tích thêm quy định tại các Điều, Khoản khác của Hiến pháp năm 2013, như: Điều 9, khoản 1 Điều 58, khoản 1 Điều 60, khoản 2 Điều 75...

Câu 5. Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân? Điểm mới nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao?

Gợi ý trả lời:

1. Khái niệm quyền con người, quyền công dân

- Khái niệm quyền con người

- Khái niệm quyền công dân

- Mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân

2. Tại sao phải đưa quyền con người, quyền công dân vào Hiến pháp

(Người dự thi phân tích và lý giải rõ vì sao phải đưa quyền con người, quyền công dân vào Hiến pháp).

3. Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được thể hiện ở những nội dung quy định tại các Điều, Khoản trong Hiến pháp năm 2013 như sau:

Điều 3, 14, 15, 16, 17, 19, khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 21, 22, 23, 24, 27, khoản 1, khoản 2 Điều 30, Điều 33, 34, 36, 37, 41, 42, 43, 47, Khoản 6 Điều 96, Khoản 3 Điều 107; Khoản 3 Điều 102 *(Người dự thi nêu đầy đủ các nội dung của các điều khoản của Hiến pháp năm 2013)*

4. Điểm mới nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao? *(Người dự thi lựa chọn các điểm mới tâm đắc nhất để phân tích và lý giải rõ vì sao).*

Câu 6. Những điểm mới quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013. Phân tích điểm mới về mối quan hệ giữa các cơ quan đó trong thực hiện quyền lực Nhà nước?

Gợi ý trả lời:

1. Điểm mới quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp 2013.

a. Điểm mới quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội (Chương V)

- Trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Điều 83 của Hiến pháp 1992, Điều 69 Hiến pháp 2013 khẳng định: “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

th

Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”.

- Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ (quy định tại Khoản 4 Điều 70).

- Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (khoản 7 Điều 70).

- Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc giám sát, quy định tổ chức và hoạt động, quyết định nhân sự đối với Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập (Điều 70).

- Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc giám sát tối cao, quy định tổ chức và hoạt động, quyết định nhân sự đối với Hội đồng bầu cử Quốc gia, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập (các khoản 2, 6, 7 và 9 Điều 70).

- Bổ sung quy định việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn (khoản 8 Điều 70).

- Quy định rõ và hợp lý hơn các loại điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền phê chuẩn hoặc bãi bỏ của Quốc hội (Khoản 14 Điều 70).

- Xác định rõ hơn giới hạn thời gian kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội: “Việc kéo dài nhiệm kỳ của một khóa Quốc hội không được quá mười hai tháng, trừ trường hợp có chiến tranh” (Khoản 3 Điều 71).

- Hiến định thẩm quyền của Quốc hội trong thành lập Ủy ban lâm thời khi cần thiết để nghiên cứu, thẩm tra một dự án hoặc điều tra về một vấn đề nhất định (Điều 78).

- Bổ sung quy định giao Quốc hội quyết định việc thành lập, giải thể Ủy ban của Quốc hội (Điều 76).

b. Điểm mới quan trọng về vị trí, chức năng của Chính phủ (Chương VII)

- Hiến pháp năm 2013 kế thừa, đồng thời bổ sung để thể hiện một cách toàn diện tính chất, vị trí, chức năng của Chính phủ. Điều 94 Hiến pháp năm 2013: “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội”. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam, Hiến pháp chính thức khẳng định Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp xác định cụ thể, rõ ràng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò của Chính phủ trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- Hiến pháp đã thay đổi cách thức quy định về hình thức ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. Để phù hợp với thực tiễn xây dựng pháp luật ở nước ta và hiến pháp nhiều nước trên thế giới, Điều 100 Hiến pháp năm 2013 sửa lại là: “Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của

minh, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định của luật”.

- Bổ sung thẩm quyền đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 96 của Hiến pháp năm 2013 (Khoản 2 Điều 96).

- Hiến pháp phân định cụ thể thẩm quyền của Chính phủ trong việc tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70 của Hiến pháp (Khoản 7 Điều 96).

- Hiến pháp 2013 không còn giao cho Chính phủ quyền quyết định về điều chỉnh địa giới hành chính các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh như Khoản 10 Điều 112 Hiến pháp năm 1992 quy định.

c. Điểm mới quan trọng về vị trí, chức năng của Tòa án nhân dân (Chương VIII)

- Hiến pháp 2013 bổ sung quy định Tòa án nhân dân thực hiện quyền Tư pháp, Tòa án nhân dân bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền công dân... (Điều 102).

- Sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức Tòa án (Khoản 2 Điều 102) cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp theo hướng không xác định cấp Tòa án cụ thể trong Hiến pháp mà để luật định.

- Hiến pháp năm 2013 đã sắp xếp và bổ sung, khẳng định rõ hơn một số nguyên tắc tổ tụng mang tính hiến định: Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm và chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân (Điều 103).

2. Điểm mới về mối quan hệ giữa Chính phủ, Quốc hội, Tòa án nhân dân trong thực hiện quyền lực nhà nước.

- Nguyên tắc kiểm soát quyền lực được ghi nhận tại Khoản 3 Điều 2 Hiến pháp 2013 là điểm mới quan trọng của Hiến pháp năm 2013 so với các bản Hiến pháp trước đây. Chương V, VII, VIII của Hiến pháp năm 2013 thể hiện rõ nguyên tắc này.

- Việc phân công giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp được thể hiện trong Hiến pháp (Điều 69, 94, 102 Hiến pháp năm 2013).

- Trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp (Khoản 2 Điều 119 Hiến pháp 2013).

- Ngoài ra, người làm bài thi cần tự nghiên cứu, phân tích các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 về: Cơ cấu tổ chức; phương thức hoạt động; nhiệm vụ, quyền hạn của những cơ quan trên; trong hoạt động lập pháp; trong hoạt động

giám sát; trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng của đất nước... để làm rõ mối quan hệ trong thực hiện quyền lực nhà nước.

Câu 7. Cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 gồm những cơ quan nào? Bạn hãy nêu nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân.

Gợi ý trả lời:

1. Điều 111 Hiến pháp năm 2013 quy định cấp chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, cụ thể:

Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do luật định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân.

+ Hội đồng nhân dân (Đ 113) *(Người dự thi nêu đầy đủ các nội dung của điều này của Hiến pháp năm 2013)*

+ Ủy ban nhân dân (Đ 114) *(Người dự thi nêu đầy đủ các nội dung của các điều khoản của Hiến pháp năm 2013)*

Câu 8. Hiến pháp năm 2013 quy định như thế nào về trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân?

Gợi ý trả lời:

- Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội đối với cử tri và Nhân dân được quy định tại Điều 79 Hiến pháp năm 2013 như sau:

“1. Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước.

2. Đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

3. Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật”.

- Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân được Hiến pháp năm 2013 quy định tại khoản 1 Điều 115 như sau:

“Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở địa phương; phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử

tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên nhân dân tham gia quản lý nhà nước”.

Câu 9. “...Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (trích Lời nói đầu Hiến pháp năm 2013)

Theo bạn, Nhà nước và mỗi người dân có trách nhiệm làm gì và làm như thế nào để thi hành và bảo vệ Hiến pháp?

Gợi ý trả lời:

Người tham dự cuộc thi phải tự nhận thức, xác định về trách nhiệm của Nhà nước và của mỗi người dân trong việc thi hành, bảo vệ Hiến pháp, cụ thể Nhà nước cần phải có những giải pháp gì và mỗi người dân cần phải làm gì và làm như thế nào để thi hành và bảo vệ Hiến pháp trên cơ sở tự tìm hiểu, nghiên cứu các tài liệu, quy định của Hiến pháp, pháp luật và từ thực tiễn cuộc sống.

(Riêng câu 09 viết không quá 1.000 từ tương đương 3 trang A4 viết tay hoặc đánh máy tính cỡ chữ 14 Times New Roman).

th

